

Bản án số: **498/2021/HS-PT**

Ngày: 15-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**.

Các Thẩm phán:

- Ông **Phạm Việt Cường**.
- Ông **Trần Quốc Cường**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 537/2021/TLPT-HS ngày 09/11/2021 đối với bị cáo **Đàm Ngọc C** về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đàm Ngọc C sinh ngày: 14/9/1987 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi thường trú: K15D/4 đường C1, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Ngọc Ch (s) và bà Lê Thị H (s). Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có quan hệ với chị Huỳnh Thị Lê H (không đăng ký kết hôn) và có 01 con chung (sinh năm 2017). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/10/2020; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đàm Ngọc C: Ông Huỳnh Thanh C2 - Luật sư Công ty Luật TNHH Q thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án; có mặt.

- Những người bị hại:

1. Anh **Bùi Duy K**, sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: Thôn TSN, xã HS, huyện H1, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Tổ 36, phường H2, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Huy L1**, sinh năm 1989; trú tại: Thôn 4, xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn Đình Hoàng T3**, sinh năm 1996; nơi ĐKNKTT: Khối 3A, thị trấn K1, huyện H2, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở: số 86 đường N1, phường H2, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Anh **Nguyễn Văn Ngọc M**, sinh năm 1988; nơi ĐKNKTT: Khu phố 1, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở: Khu gia đình quân nhân Sư đoàn 372, phường C3, quận T4, thành phố Đà Nẵng (Nơi công tác: Bệnh viện Gia đình, Đà Nẵng; vắng mặt.

5. Anh **Nguyễn Văn T5**, sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Thôn G, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Quảng Nam; trú tại: số 75 đường T6, phường H4, quận H5, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

6. Anh **Trương Quốc T7**, sinh năm 1989 và **chị Lê Thị Kim V**, sinh năm 1990; vùng trú tại: Tổ 57, phường H6, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

7. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Thôn V1, xã B1, huyện Đ2, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở: 69/4 đường HTT, phường H4, quận H5, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

8. Anh **Nguyễn Văn Đ2**, sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: xã TN, huyện G1, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: số 49 đường XT8, phường H7, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

9. Anh **Phạm Văn V2**, sinh năm 1988; trú tại: Khu N4, thị trấn A1, huyện Đ2, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

10. Anh **Trần Văn V3**, sinh năm 1994 và **chị Lê Thị Phương Th1**, sinh năm 1994; cùng trú tại: Tổ 89, phường H4, quận H5, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

11. Anh **Nguyễn Quang Quỳnh D1**, sinh năm 1988; nơi ĐKNKTT: Thôn C4, xã D2, huyện D3, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: số 243A/51 đường TC, phường A, quận T4, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

12. Anh **Nguyễn Mạnh T8**, sinh năm 1991; trú tại: K20/6 Mai Lão Bạng, tổ 31, phường Thuận Phước, quận H5, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

13. **Chị Trần Thị Th2**, sinh năm 1988; nơi ĐKNKTT: Tổ 44, phường XH, quận T4, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: K129/82 đường P, phường H6, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

14. **Chị Nguyễn Thị T9**, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 69, phường H6, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

15. Anh **Đoàn Phước H8**, sinh năm 1988; nơi ĐKNKTT: Tổ 3, phường L4, thành phố K2, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: số 206 đường P1, phường H12, quận H5, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

16. Anh **Trần Hoàng L5**, sinh năm 1993; nơi ĐKNKTT: Tổ 05, phường T4 Đông, quận T4, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: số 235/6 đường H10, phường H11, quận T4, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

17. Anh **Nguyễn Huỳnh Hoàng Th4**, sinh năm 1993; nơi ĐKNKTT: K01/25 đường TT, phường V5, quận T4, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: số 172 đường P4,

phường H4, quận H5, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

18. Chị **Trần Thị Ánh H11**, sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 10, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình; chỗ ở: số 96/15B Nam Cao, phường H6, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

19. Anh **Trần Quốc C5**, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 21, phường H5 1, quận H5, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

20. Anh **Trương Quốc Ng**, sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Thôn M1, xã ĐT, huyện Đ2, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: K142 đường A2, phường H12, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

21. Chị **Nguyễn Thúy H13**, sinh năm 1981; trú tại: Tổ 53, phường H12, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

22. Anh **Nguyễn Hữu Th5**, sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Thôn 6, xã Tiên Lãnh, huyện T2, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: số 74 Nguyễn Thái Bình, phường H2, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Công ty cổ phần địa ốc X1.**

Trụ sở: Lô 1418 đường X2, phường H12, quận H5, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện: bà Phùng Thị Hoài Th3 - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty làm đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/7/2021 của Tổng Giám đốc Công ty); vắng mặt.

2. Ông **Huỳnh Xuân V6**, sinh năm 1959; trú tại: Tổ 74 TV, phường H12, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị N5**, sinh năm 1980; trú tại: phường H14, quận T4, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Chị **Hoàng Thị Kim A4**, sinh năm 1986; trú tại: quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người làm chứng:

1. Chị **Nguyễn Thị Hồng L6**, sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Thôn PT, xã H15, huyện H16, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Phòng 204 tầng 2 tòa E1 Chung cư nhà ở xã hội khu công nghiệp HK, phường H12, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Anh **Phan Thái Ng1**, sinh năm 1993; trú tại: số 86 Nguyễn Sinh Sắc, phường H6, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Đàm Ngọc C nói dối với chị Nguyễn Thị Hồng L6 và anh Phan Thái Ng1 là C đã nộp tiền vào Công ty cổ phần địa ốc X1 mua nhiều căn hộ tại đây, nếu ai có nhu cầu mua lại thì C sẽ chuyển nhượng. Tin lời của C, chị

L6 và anh Ng đã dẫn nhiều khách hàng đến xem các căn hộ mà C nói dối là của C. Sau khi xem xong, thì anh Ng và chị L6 dẫn khách hàng đến nhà C. Tại đây, C tiếp tục nói dối với khách hàng là C đã nộp tiền vào Công ty cổ phần X1 để mua các căn hộ trên. Tin lời của C nên nhiều khách hàng đã đồng ý mua và giao tiền đặt cọc cho C và C đưa giấy thỏa thuận mua bán nhà đất và đặt cọc có C và khách hàng ký xác nhận, chị L6 và anh Ng ký làm chứng. Số tiền mua nhà còn lại, C nói sẽ lo thủ tục cho khách hàng thế chấp vay ngân hàng để đưa tiền cho C khi C bàn giao căn hộ. Số tiền nhận cọc của khách hàng C đã chiếm đoạt tiêu xài. Bằng thủ đoạn đó C đã chiếm đoạt của nhiều người, cụ thể:

1. Vào ngày 19/02/2020, anh Bùi Duy K đến xem căn hộ số 512-Tòa A chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 430.000.000 đồng. Anh K đã đặt cọc cho C số tiền 50.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

2. Vào ngày 22/02/2020, anh Nguyễn Huy L1 đến xem căn hộ số 907-Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 375.000.000 đồng. Anh L1 đã đặt cọc cho C số tiền 40.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

3. Vào ngày 07/3/2020, anh Nguyễn Đình Hoàng T3 đến xem căn hộ số 1201 - Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 560.000.000 đồng. Anh T3 đã đặt cọc cho C số tiền 50.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

4. Vào ngày 11/3/2020, anh Nguyễn Văn Ngọc M đến xem căn hộ số 510 Tòa B1A chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 627.000.000 đồng. Anh M đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

5. Vào ngày 12/3/2020, anh Nguyễn Văn T5 đến xem căn hộ số 310 - Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 635.000.000 đồng. Anh Thẩm đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

6. Vào ngày 14/3/2020, vợ chồng anh Trương Quốc T7 và chị Lê Thị Kim V đến xem căn hộ số 612 Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 377.000.000 đồng. Anh T7 đã đặt cọc cho C số tiền 40.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

7. Vào ngày 23/3/2020, anh Nguyễn Văn B đến xem căn hộ số 610 Tòa B1A chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 615.000.000 đồng. Anh B đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

8. Vào ngày 23/3/2020 anh Nguyễn Văn Đạt đến xem căn hộ số 510 - Tòa B1A chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 630.000.000 đồng. Anh Đạt đã đặt cọc cho C số tiền 50.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

9. Vào ngày 27/3/2020, anh Phạm Văn V2 đến xem căn hộ số 915 và 908-Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua căn hộ 915 với giá 337.000.000 đồng và căn hộ 908 với giá 357.000.000đồng. Anh V2 đã đặt cọc cho C số tiền 80.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

10. Vào ngày 16/4/2020, vợ chồng anh Trần Văn V3 và chị Lê Thị Phương Th1 đến xem căn hộ số 606-Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 600.000.000 đồng. Anh V3 đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

Ngoài ra, một số người trực tiếp đến gặp C đặt vấn đề mua căn hộ. Sau khi đi xem và thống nhất thì đặt cọc tiền cho C và C viết giấy nhận cọc giao cho khách hàng. Số tiền chiếm đoạt được C cũng sử dụng tiêu xài hết. Cụ thể:

11. Vào ngày 17/3/2020, anh Nguyễn Quang Quỳnh D1 đến xem căn hộ số 410 - Tòa B1, chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 608.000.000 đồng. Anh Duy đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

12. Vào ngày 18/3/2020, anh Nguyễn Mạnh T8 đến xem căn hộ số 410 Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 615.000.000 đồng. Anh T8 đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

13. Vào ngày 26/3/2020, chị Trần Thị Th2 đến xem căn hộ số 706 Tòa B1A chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 540.000.000 đồng. Chị Th2 đã đặt cọc cho C số tiền 40.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

14. Vào ngày 28/3/2020, chị Nguyễn Thị T9 đến xem căn hộ số 810 Tòa B1A, chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 440.000.000 đồng. Chị T9 đã đặt cọc cho C số tiền 140.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

15. Vào ngày 28/3/2020, anh Đoàn Phước H8 đến xem căn hộ số 710 Tòa B1, chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 605.000.000 đồng. Anh Hiệp đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

16. Vào ngày 27/4/2020, anh Trần Hoàng L5 đến xem căn hộ số 1414 Tòa B1, chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 610.000.000 đồng. Anh L5 đã đặt cọc cho C số tiền 190.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

17. Vào ngày 07/5/2020, anh Nguyễn Huỳnh Hoàng Th4 đến xem căn hộ số 809-Tòa B1A, chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 615.000.000 đồng. Anh Th4 đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

18. Vào ngày 16/5/2020, thông qua sự giới thiệu của chị Nguyễn Thị Nh thì chị Trần Thị Ánh H11 đến xem căn hộ số 1010 Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 620.000.000 đồng. Chị H11 đã đặt cọc cho C số tiền 60.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

Số tiền trên, đến cuối tháng 7/2020, C đã trả cho chị H11 số tiền 60.000.000 đồng và chị H11 không yêu cầu gì thêm.

19. Vào ngày 12/3/2020, anh Trần Quốc C5 đến xem căn hộ số 712 Tòa B1 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 380.000.000 đồng. Anh C5 đã đặt cọc cho C số tiền 40.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

20. Vào ngày 02/6/2020, anh Trương Quốc Ng đến xem căn hộ số 510 Tòa E3, chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK và thỏa thuận mua với giá 790.000.000 đồng. Anh Ng đã đặt cọc cho C số tiền 100.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

21. Vào ngày 10/6/2020, thông qua sự giới thiệu của chị Hoàng Thị Kim Anh thì chị Nguyễn Thúy H13 đến gặp C để xem mua hai căn hộ số 101 và 114-Tòa E3 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK, nhưng C nói tòa nhà đang xây dựng nên không đi xem được. Chị H13 đã thỏa thuận mua căn hộ 114 Tòa E3 với giá 846.000.000 đồng; căn hộ 101 Tòa E3 với giá 845.000.000 đồng. Chị H13 đã đặt cọc cho C số tiền 80.000.000 đồng và bị C chiếm đoạt.

22. Vào ngày 02/6/2020, anh Nguyễn Hữu Th5 đến xem căn hộ số 514 Tòa E3 chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK. Sau khi xem anh Th5 và anh Dư Thanh T8 đến nhà C, tại đây C nói dối với anh Th5 việc mình là người có khả năng lo cho anh Th5 được mua căn hộ trên, giá để lo việc này là 80.000.000 đồng. Tin lời của C nên anh Th5 giao số tiền cọc là 40.000.000 đồng, số tiền còn lại giao khi có Giấy xác nhận anh Th5 được mua căn hộ. Sau khi nhận số tiền cọc trên, C sử dụng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 02/6/2020, C nói dối với anh Th5 đưa số tiền 50.000.000 đồng để nộp vào Công ty cổ phần địa ốc X1 mua căn hộ trên. Tin lời C, anh Th5 đưa số tiền này cho C. Tổng số tiền C chiếm đoạt của anh Th5 là 90.000.000 đồng.

Xác minh tại Công ty cổ phần địa ốc X1 xác định: Công ty X1 được Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng đồng ý cho mở bán 338 căn hộ chung cư thuộc khối nhà chung cư B1 và B1A thuộc chung cư nhà ở xã hội Khu công nghiệp HK theo Công văn số 7393/SXD-QLN ngày 24/9/2019 và yêu cầu Công ty phải thực hiện đầy đủ trình tự mua bán nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ gửi Sở Xây dựng thành phố xem xét có văn bản đồng ý trước khi ký kết Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội hình thành trong tương lai. Quá trình mở bán các căn hộ chung cư trên, Công ty X1 xác định Đàm Ngọc C chưa bao giờ làm việc tại Công ty, không có quyền hạn gì trong việc mua bán căn hộ tại đây. Đàm Ngọc C không nộp số tiền nào vào Công ty X1 để mua các căn hộ trên. Hiện nay Đàm Ngọc C không sở hữu bất kỳ căn hộ nào tại chung cư nhà ở xã hội khu công nghiệp HK, thành phố Đà Nẵng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2021/HS-ST ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Đàm Ngọc C phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.
- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đàm Ngọc C 13 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/10/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 02/10/2021, bị cáo Đàm Ngọc C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đàm Ngọc C giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Đàm Ngọc C phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ; với mức hình phạt **13** năm tù là có căn cứ và đúng pháp luật; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở lời khai nhận tội của bị cáo Đàm Ngọc C, của các bị hại thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. HĐXX có đủ căn cứ khẳng định:

Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2021/HS-ST ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã kết án bị cáo Đàm Ngọc C phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đàm Ngọc C:

Bị cáo Đàm Ngọc C phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo đang khó khăn, con đang còn nhỏ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất vụ án, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, xử phạt bị cáo 13 năm tù là nằm trong khung hình phạt được áp dụng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo tác động gia đình tiếp tục bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); đây là tình tiết giảm nhẹ mới, thể hiện sự ăn năn hối cải và xét thấy nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; giá trị tài sản chiếm đoạt 1.530.000.000 đồng và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (*thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại, ăn năn hối cải*). Cho nên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về giúp đỡ gia đình và có điều kiện bồi thường kịp thời cho các bị hại.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về lãi chậm trả, về án phí sơ thẩm và quyền nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo,

kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Đàm Ngọc C kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đàm Ngọc C và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đàm Ngọc C 09 (*chín*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/10/2020.

Bị cáo Đàm Ngọc C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về lỗi chậm trả, về án phí sơ thẩm và quyền nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Phòng HCTP; HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh